

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công khai quyết toán ngân sách năm 2019**  
**của Cục Quản lý thị trường tỉnh Khánh Hòa**

**CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH KHÁNH HÒA**

- Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;
- Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
- Căn cứ Thông báo số 77/TB-TCQLTT ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Tổng cục Quản lý thị trường thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2019 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Khánh Hòa (chi tiết theo phụ biểu đính kèm)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, các Phòng chuyên môn, Phụ trách Kế toán Cục và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Cục;
- Các Phòng, Đội trực thuộc;
- Lưu: VT, TC, KT.



**Q. CỤC TRƯỞNG**  
  
**Phạm Ngọc Sơn**



**ĐƠN VỊ: CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH KHÁNH HÒA**

**MÃ CHUÔNG: 016**

**QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019**

(Kèm theo Quyết định số 113/QĐ-CQLTT ngày 31/12/2020  
của Cục Quản lý thị trường tỉnh Khánh Hòa)

đvt: đồng

<b>1.1. Kinh phí năm trước chuyển sang</b>	<b>0</b>
<b>1.2. Tổng dự toán được giao trong năm</b>	<b>11.285.000.000</b>
<b>a) Nguồn ngân sách nhà nước</b>	<b>11.285.000.000</b>
- Loại 340 khoản 341	
+ Kinh phí thường xuyên (kinh phí tự chủ)	9.835.000.000
+ Kinh phí không thường xuyên (kinh phí không tự chủ)	1.450.000.000
<b>b) Nguồn khác</b>	<b>0</b>
<b>1.3. Kinh phí được sử dụng trong năm</b>	<b>11.285.000.000</b>
<b>a) Nguồn ngân sách nhà nước</b>	<b>11.285.000.000</b>
- Loại 340 khoản 341	
+ Kinh phí thường xuyên (kinh phí tự chủ)	9.835.000.000
+ Kinh phí không thường xuyên (kinh phí không tự chủ)	1.450.000.000
<b>b) Nguồn khác</b>	<b>0</b>
<b>1.4. Kinh phí quyết toán</b>	<b>11.272.700.293</b>
<b>a) Ngân sách trong nước</b>	<b>11.272.700.293</b>
- Loại 340 khoản 341	
+ Kinh phí thường xuyên (kinh phí tự chủ)	9.822.700.293
+ Kinh phí không thường xuyên (kinh phí không tự chủ)	1.450.000.000
<b>b) Nguồn khác</b>	
<b>1.5. Kinh phí giảm trong năm</b>	<b>0</b>
<b>1.6. Kinh phí chuyển năm sau</b>	<b>12.299.707</b>
<b>a) Ngân sách trong nước</b>	<b>12.299.707</b>
- Dự toán	
+ Loại 340 khoản 341	12.299.707
<b>b) Nguồn khác</b>	

*Trần*